

Số: 37/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1987

- Bị đơn: Anh **Triệu Văn M**, sinh năm 1990

Cùng có địa chỉ: **Thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên.**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2026;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị **Hoàng Thị T** và bị đơn anh **Triệu Văn M**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Triệu Văn M** nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên đương sự có 02 con chung tên **Triệu Đức H**, sinh ngày 17/02/2008 và **Triệu Văn H1**, sinh ngày 27/11/2009, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu **H** đã trên 18 tuổi, do đó hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu **Triệu Văn H1**, sinh ngày 27/11/2009 cho bị đơn anh **Triệu Văn M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của cháu **H1**).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0000843, ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị **Hoàng Thị T** được hoàn trả số tiền còn lại là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên (02b);
- Các đương sự (02b);
- Phòng THADS khu vực 8 - Thái Nguyên (01b);
- UBND xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Hoàng Út Lệ